

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/KDTM-PT

Ngày 21-11-2022

V/v tranh hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn;
Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLPT-KDTM, ngày 06 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2022/QĐ-PT ngày 12/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 12/2022/QĐ-PT ngày 31/10/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N. Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H – Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Ngân hàng N chi nhánh T2, Sóc Trăng (Theo Văn bản ủy quyền ngày 22/3/2022 - có mặt).

Địa chỉ: Số B đường T, Ấp A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: 1. Bà Sơn Thị U, sinh năm 1971. (vắng mặt)

2. Ông Lý G, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Châu S, sinh năm 1974. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Triệu Thị H1, sinh năm 1984. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Ông Sơn Minh T, sinh năm 1984.(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ông Lý Văn T1, sinh năm 1986. (vắng mặt)

5. Bà Lý Thị Cẩm L, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2022, cũng như tại phiên toà sơ thẩm đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Trần Thanh H trình bày:*

Bà Sơn Thị U và ông Lý G có ký hợp đồng tín dụng số 7607-LAV-202000422) ngày 27/02/2020, phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng, ngày 27/02/2020 Ngân hàng giải ngân cho ông G, bà U số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 27/12/2020, mục đích bổ sung vốn kinh doanh bánh mì, lãi suất 9%/ năm và sẽ được điều chỉnh theo quy định chung của Ngân hàng, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn, ngoài ra bên vay phải chịu lãi phạt chậm thanh toán là 5%/năm đối với số tiền chậm thanh toán.

Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng 02 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 14/C/18/HĐTC ngày 07/6/2018, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Sơn Thị U đứng tên tại thửa số 366, tờ bản đồ số 05 diện tích 126m², đất tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và hợp đồng thế chấp tài sản số 14.1/C/18/HĐTC ngày 07/6/2018, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Sơn Thị U đứng tên tại thửa số 1185, tờ bản đồ số 05 diện tích 8217,5m², đất tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà U, ông G không trả gốc, không đóng lãi, tính đến ngày 25/8/2022 bà Sơn Thị U và ông Lý G còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 350.000.000 đồng, lãi 104.769.863 đồng. Tổng tiền gốc và lãi là 454.769.863 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Sơn Thị U và ông Lý G trả số tiền vốn, lãi nêu trên và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

** Bị đơn bà Sơn Thị U và ông Lý G:* Không có văn bản trình bày ý kiến.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu S:* Không có văn bản trình bày ý kiến.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn T1 và bà Lý Thị Cẩm L có lời khai:*

Vào năm 2020 bà Sơn Thị U có cổ cho ông T1, bà L tổng cộng diện tích đất là 08 công, với giá là 250.000.000 đồng, có làm giấy viết tay, hai bên thỏa thuận thời hạn chuộc 04 năm kể từ ngày 06/5/2020 đến ngày chuộc là 06/5/2024, sau khi cổ là ông cổ lại cho vợ chồng ông Sơn Minh T và bà Triệu Thị H1 với số tiền 170.000.000 đồng, có làm giấy viết tay, hai bên thỏa thuận

thời hạn chuộc 03 năm kể từ ngày 08/5/2020 đến hạn chuộc ngày 08/5/2023, khi cổ của bà U, ông T1 không biết việc bà U lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp Ngân hàng. Ông T1, bà L đồng ý giao trả đất khi phát mãi để thu hồi nợ Ngân hàng, còn phần tiền cổ đất với bà U thì tự ông T1, bà L sẽ thỏa thuận giải quyết với bà U, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị H1 và ông Sơn Minh T trình bày:*

Hiện nay bà H1 và ông T đang canh tác diện tích khoảng 08 công tằm cấy đất của bà U, nguyên nhân canh tác đất bà U là do cổ từ ông T1. Bà H1, ông T đồng ý giao trả đất khi phát mãi thanh toán nợ cho Ngân hàng, việc cổ với ông T1 là bà H1, ông T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Áp dụng Điều 30; khoản 1 Điều 157; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự, Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị đơn bà Sơn Thị U, ông Lý G có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng N số tiền gốc 350.000.000.000 đồng, lãi 104.769.863 đồng. Tổng tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/8/2022 là 454.769.863 (bốn trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba) đồng .

Ngoài ra bà Sơn Thị U, ông Lý G còn phải chịu tiếp số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/8/2022 theo hợp đồng vay số 7607-LAV-202000422 ngày 27/02/2020 và báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 27/02/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Các bị đơn bà Sơn Thị U, ông Lý G không thực nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 366, tờ bản đồ số 05, diện tích được cấp 126m², theo hợp đồng thế chấp số 14/C/18/HĐTC ngày 07/6/2018 và quyền sử dụng đất tại thửa số 1185, tờ bản đồ số 05 diện tích 8217,5m², theo hợp đồng thế chấp số 14.1/C/18/HĐTC ngày 07/6/2018, cả hai thửa đất đều tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, do bà Sơn Thị U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn T1, bà Lý Thị Cẩm L, ông Sơn Minh T và bà Triệu Thị H1 có nghĩa vụ giao trả thửa đất số 1185, tờ bản đồ số 05, diện tích được cấp quyền sử dụng 8217,5m², tọa lạc ấp K, xã L, do bà Sơn Thị U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 21/5/2013, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00535 để thực hiện phát mãi thu hồi nợ theo yêu cầu của Ngân hàng N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

** Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 16/QĐKNPT-VKS-KDTM*

ngày 19/9/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền vốn, ghi nhận hiện trạng căn nhà có tứ cận, diện tích, kết cấu căn nhà và phần án phí sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N không rút lại đơn khởi kiện; Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên Quyết định kháng nghị và các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và việc các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Người kháng nghị, nội dung và hình thức quyết định kháng nghị, thời hạn kháng nghị là đúng theo quy định tại các Điều 278, 279 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị H1 và ông Sơn Minh T (có đơn xin xét xử vắng mặt); các bị đơn bà Sơn Thị U, ông Lý G cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu S, ông Lý Văn T1, bà Lý Thị Cẩm L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; việc vắng mặt của họ cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vụ án.

Về nội dung:

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì giữa Ngân hàng N với bà Sơn Thị U và ông Lý G có ký kết hợp đồng tín dụng số 7607LAV-202000422 ngày 27/02/2020, phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng, ngày 27/02/2020 Ngân hàng giải ngân cho ông G, bà U số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 27/12/2020, mục đích bổ sung vốn kinh doanh, nhưng từ khi vay đến nay các bị đơn không đóng lãi, không trả vốn. Các bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng đã ký kết, Cấp

sơ thẩm xác định bà U và ông G vay số tiền 350.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là sự thật, đến nay bà U và ông G chưa thanh toán là đã vi phạm Điều 7 của hợp đồng, vi phạm quy định pháp luật tại Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự.

Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 25/8/2022, bà U và ông G còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 454.769.863 đồng (trong đó: Nợ gốc là 350.000.000đ, lãi trong hạn 26.321.918đ, lãi quá hạn là 78.447.945đ). Việc thỏa thuận vay tiền giữa bà U và ông G với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 119, 398, 463 Bộ luật Dân sự, hợp đồng đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự. Do phía bà U và ông G vi phạm nghĩa vụ trả vốn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng yêu cầu buộc bà U và ông G trả lại toàn bộ số tiền vốn còn nợ và số tiền lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó Ngân hàng yêu cầu bà U và ông G trả số tiền vốn và lãi là 454.769.863 đồng (trong đó: Nợ gốc là 350.000.000 đồng; lãi trong hạn 26.321.918đ, lãi quá hạn là 78.447.945đ) là có căn cứ, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về tranh chấp hợp đồng tín dụng là phù hợp và đúng pháp luật.

[4] Đối với việc Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. *Xét thấy*, theo khởi kiện và Tại bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022, đã quyết định buộc bà Sơn Thị U, ông Lý G hoàn trả hết số nợ gốc và lãi phát sinh tại hợp đồng tín dụng nêu trên cho Ngân hàng tính đến ngày 25 tháng 8 năm 2022 với tổng số tiền 454.769.863 đồng (trong đó: Nợ gốc là 350.000.000 đồng; lãi trong hạn 26.321.918đồng, lãi quá hạn là 78.447.945đồng). Đồng thời, yêu cầu bà Sơn Thị U, ông Lý G phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày 26/8/2022 cho đến ngày bà Sơn Thị U, ông Lý G trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bà Sơn Thị U, ông Lý G không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 366, tờ bản đồ số 05, diện tích được cấp 126m², theo hợp đồng thế chấp số 14/C/18/HĐTC ngày 07/6/2018 và quyền sử dụng đất tại thửa số 1185, tờ bản đồ số 05 diện tích 8217,5m², theo hợp đồng thế chấp số 14.1/C/18/HĐTC ngày 07/6/2018, cả hai thửa đất đều tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, do bà Sơn Thị U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ.

[5] Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn T1, bà Lý Thị Cẩm L, ông Sơn Minh T và bà Triệu Thị H1 có nghĩa vụ giao trả thửa đất số 1185, tờ bản đồ số 05, diện tích được cấp quyền sử dụng 8217,5m², tọa lạc ấp K, xã L, do bà Sơn Thị U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 21/5/2013, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00535 để thực hiện phát mãi thu hồi nợ theo yêu cầu của Ngân hàng N là có căn cứ.

[6] Xét Quyết định kháng nghị số 16/QĐ-VKS-KDTM ngày 19/9/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc yêu cầu Tòa án sửa án sơ thẩm. Xét thấy:

[6.1] Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả vốn 350.000.000đồng nhưng cấp sơ thẩm buộc các bị đơn trả số tiền là 350.000.000.000đồng là thiệt thòi quyền lợi của các bị đơn. **Xét thấy**, việc cấp sơ thẩm buộc các bị đơn trả số tiền 350.000.000.000đồng là có sai sót, cấp phúc thẩm nêu để rút kinh nghiệm.

[6.2] Cấp sơ thẩm buộc các bị đơn trả số tiền vốn và lãi là 454.769.863 đồng, nhưng lại buộc các bị đơn phải chịu án phí là 21.190.800đồng là chưa chính xác. **Xét thấy**, theo quy định tại điểm c, tiểu mục 1.4, mục II phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà U, ông G phải chịu án phí là 22.190.794 đồng, cụ thể: $[(400.000.000đ \times 5\%) = 20.000.000đ + (54.769.863đ \times 4\%) = 2.190.794đ]$. Do đó, cấp phúc thẩm cần tính toán lại cho phù hợp.

[6.3] Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CN 618511, diện tích 126m², thửa 366, tờ bản đồ số 5, toạ lạc ấp K, xã L, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 05/6/2018 cho bà Sơn Thị U đều thể hiện có căn nhà gắn liền với phần đất nêu trên. Nhưng khi tuyên án Tòa án cấp sơ thẩm chỉ quyết định: “ Các bị đơn bà Sơn Thị U, ông Lý G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 366, tờ bản đồ số 05, diện tích được cấp 126m², theo hợp đồng thế chấp số 14/C/18/HĐTC ngày 07/6/2018”, không tuyên cụ thể tứ cận, diện tích, kết cấu căn nhà là không thể thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật. **Xét thấy**, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất với số 14/C/18/HĐTC ngày 07/6/2018 thì ngoài thế chấp đất thì các bị đơn còn thế chấp tài sản gắn liền với đất là căn nhà kiên cố, diện tích là 72m², diện tích xây dựng 72m², kết cấu nhà: nền lát gạch ceramic, tường gạch 10, mái tole, có trần, cửa sắt, cửa nhôm, thời gian xây dựng năm 2018; thời gian sở hữu lâu dài; nhà hạng IV. Tuy nhiên, tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện T chỉ thể hiện có căn nhà gắn liền với phần đất nêu trên và không ghi rõ tài sản là do các bị đơn đóng cửa không có ở địa phương nên không thể ghi cụ thể. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất với số 14/C/18/HĐTC ngày 07/6/2018 cũng là đầy đủ, phần này nêu lên để rút kinh nghiệm.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng và căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm đối với nhận định trên.

[8] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa là có căn cứ.

[9] Về án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm: Do chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phần điều chỉnh số tiền vốn, sửa án phí và cách tuyên bổ sung nên án sơ thẩm chỉ điều chỉnh lại, còn án phí phúc thẩm các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 16/QĐ-VKS-KDTM ngày 19/9/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Sửa và điều chỉnh bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Áp dụng: Điều 30; khoản 1 Điều 157 ; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự, Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1.1. Buộc các bị đơn bà Sơn Thị U, ông Lý G có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/8/2022 là 454.769.863đồng (trong đó: Nợ gốc là 350.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là 26.321.918đồng, nợ lãi quá hạn là 78.447.945đồng).

Kể từ ngày 26/8/2022 bà Sơn Thị U, ông Lý G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Sơn Thị U, ông Lý G phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

Khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Sơn Thị U, ông Lý G không thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà kiên cố cấp 4, diện tích xây dựng là 72m², kết cấu nhà: nền lót gạch ceramic, tường gạch 10, mái tole, có trần, cửa sắt, cửa nhôm tại thửa số 366, tờ bản đồ số 05, diện tích được cấp 126m², theo hợp đồng thế chấp số 14/C/18/HĐTC ngày 07/6/2018 và quyền sử dụng đất tại thửa số 1185, tờ bản đồ số 05 diện tích 8217,5m², theo hợp đồng thế chấp số 14.1/C/18/HĐTC ngày 07/6/2018, cả hai thửa đất đều tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Sơn Thị U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.2. Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn T1, bà Lý Thị Cẩm L, ông Sơn Minh T và bà Triệu Thị H1 có nghĩa vụ giao trả thửa đất số 1185, tờ bản đồ số 05, diện tích được cấp quyền sử dụng 8217,5m², tọa lạc ấp K, xã L, do bà Sơn Thị U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 21/5/2013, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00535 để thực hiện phát mãi thu hồi nợ theo yêu cầu của Ngân hàng N.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Bị đơn bà Sơn Thị U, ông Lý G liên đới nộp án phí số tiền 22.190.794 đồng (Hai mươi hai triệu một trăm chín mươi ngàn bảy trăm chín mươi bốn đồng).

2.2. Hoàn trả Ngân hàng N tiền tạm ứng án phí 10.922.700 đồng theo lai thu số 0001268 ngày 15/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Sơn Thị U, ông Lý G liên đới nộp là 900.000 đồng. Do Ngân hàng N đã nộp tạm ứng trước, nên bà Sơn Thị U, ông Lý G có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền nêu trên cho Ngân hàng N.

5. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: các đương sự không phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Phụng